

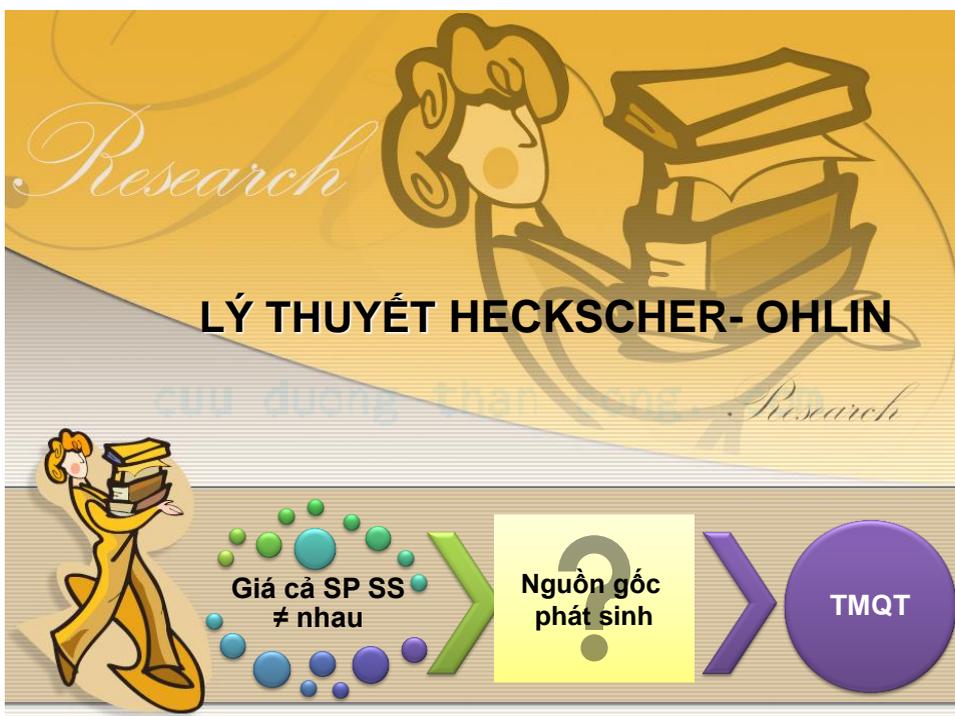


CHƯƠNG 2 (tiếp)
LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ



ThS. Nguyễn Thị Vũ Hà
Khoa KT&KDQT - ĐHKT - ĐHQGHN

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)



LÝ THUYẾT HECKSCHER- OHLIN



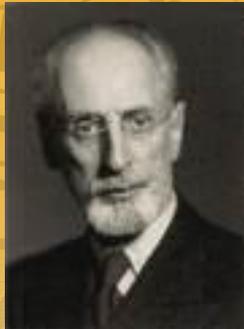
Giá cả SP SS
≠ nhau

Nguồn gốc
phát sinh

TMQT



LÝ THUYẾT HECKSCHER- OHLIN



Eli Heckscher (1879 - 1952)

1. Là nhà kinh tế học người Thụy Điển
2. Nổi tiếng với cuốn sách “*Các tác giả trọng thương*”
3. Chuyên ngành chính: lịch sử kinh tế
4. Đóng góp lớn trong lý thuyết về sự đóng góp của các YTSX trong TMQT.

Lý thuyết này được ông trình bày trong một bài báo ở Thụy Điển năm 1919

Research

cuuduongthancong.com



LÝ THUYẾT HECKSCHER- OHLIN



Bertil Ohlin (1899 – 1979)

1. là nhà kinh tế học người Thụy Điển
2. đã đạt giải Nobel về kinh tế năm 1977.
3. Ông có nhiều đóng góp trong mô hình H –O.

Research



LÝ THUYẾT HECKSCHER- OHLIN



Paul A. Samuelson (1915 - 2009)

1. Là nhà kinh tế học nghiên cứu về nhiều lĩnh vực kinh tế.
2. Ông được giải thưởng Nobel về kinh tế năm 1970.

cuu duong than cong. com



Những giả thuyết

1. Đối tượng nc: 2 QG (1 & 2), 2 SP (X, Y) và 2 YTSX (L, K)

- đơn giản hóa phân tích
- nếu có sự mở rộng mô hình thì kết luận lý thuyết có thay đổi không?

2. Cả 2 QG có cùng một trình độ công nghệ, kỹ thuật... trong sản xuất

- Nếu P_{YTSX} = nhau ở 2 QG thì các nhà sx ở 2 QG sẽ sd số lượng K và L như thế nào?
- Nếu P_{YTSX} là khác nhau ở 2 QG thì sao? Mục tiêu chính của các nhà sản xuất là gì?

Research



Những giả thuyết

3. Sp X đòi hỏi nhiều lao động hơn so với sp Y và ngược lại sp Y đòi hỏi nhiều vốn hơn so với sp X ở cả hai QG

$$\frac{L}{K}(X) > \frac{L}{K}(Y) \text{ hay } \frac{K}{L}(X) < \frac{K}{L}(Y), \frac{L}{K}(X)_{QG1} \neq \frac{L}{K}(X)_{QG2}$$

4. Lợi suất theo quy mô không đổi trong sx cả 2 sp ở cả 2 QG

- Nếu có sự tăng lên về số lượng L và K thì slg sẽ tăng lên một lượng tương ứng. Nếu $y = F(L,K)$, thì $y' = F(2L,2K) = ???$

cuuduongthancong.com



Những giả thuyết

5. CMH không hoàn toàn trong sx ở 2 QG. Khi có TM, 2 QG vẫn tiếp tục sản xuất cả 2 sp.

- Điều này có nghĩa rằng không có QG nào là “quá nhỏ”

6. Thị hiếu và sở thích người tiêu dùng là như nhau ở cả 2QG

- Hình dáng và vị trí của CICs ở cả 2 QG là như thế nào?
- Điều này có nghĩa là gì?

Research



Những giả thuyết

7. Các YTSX được tự do di chuyển trong phạm vi 1 QG nhưng ko được di chuyển trong phạm vi quốc tế.

- Qtr di chuyển này sẽ dừng lại khi nào?

8. TMQT là hoàn toàn tự do, không tính đến chi phí vận chuyển, không tính đến thuế quan và các chi phí khác cản trở thương mại

- Nếu có chi phí vận chuyển, thuế quan... thì CMH trong sx cho đến khi nào?

cuu duong than cong. com



Những giả thuyết

9. Cạnh tranh hoàn hảo trên cả hai thị trường sản phẩm và thị trường các YTSX

- những nhà sx, những người td, các nhà buôn bán H X và Y ở 2 QG là những người chấp nhận giá hay áp đặt giá?

10. Các nguồn lực được sử dụng hết ở cả hai QG

- không có nguồn lực nào không được sử dụng trong quá trình sản xuất ở 2 QG

11. TMQT giữa hai quốc gia là cân bằng

- tổng giá trị xuất khẩu của QG này bằng tổng giá trị nhập khẩu của QG kia



Những giả thuyết

Các giả định của Lý thuyết H – O giống và khác gì so với các giả định của các lý thuyết trước?



Research

cuuduongthancong.com



Các khái niệm

Yếu tố thâm dụng (factor intensity)

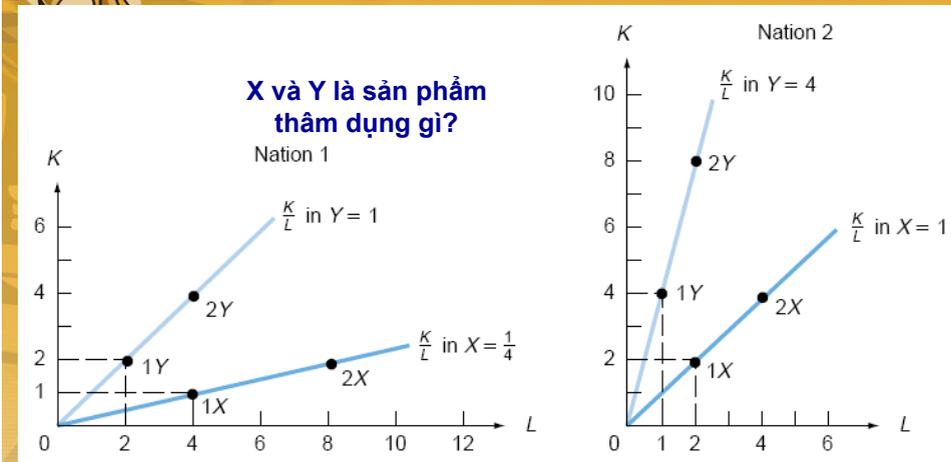
- Giả định 1 + 3 → Y là sp thâm dụng tư bản nếu tỷ số K/L được sử dụng trong sản phẩm Y là > tỷ số K/L sử dụng trong việc sx sp X.

$$\frac{L}{K}(X) > \frac{L}{K}(Y) \text{ hay } \frac{K}{L}(X) < \frac{K}{L}(Y)$$

Research



Yếu tố thâm dụng



1. Tại sao QG 2 lại sử dụng công nghệ đòi hỏi nhiều K trong sản xuất H?
2. Nếu P_{YTSX} thay đổi thì việc sd K và L sẽ thay đổi ntn?

cuuduongthancong.com



Các khái niệm

Yếu tố dư thừa (factor abundance)

- Nói lên sự dồi dào của một YTSX nào đó.
- Có thể là K hay L.

Cách xác định

- Thứ nhất, dựa trên toàn bộ số lượng lao động và tư bản dùng vào sản xuất của quốc gia đó.
- Thứ hai, thông qua giá cả sp so sánh.



Yếu tố dư thừa

$$\frac{\sum L}{\sum K}(1) > \frac{\sum L}{\sum K}(2)$$

or

$$\frac{P_L}{P_K}(1) = \frac{w}{r}(1) < \frac{P_L}{P_K}(2) = \frac{w}{r}(2)$$

⇒

QG1 dư thừa lao động

$$\frac{\sum K}{\sum L}(1) < \frac{\sum K}{\sum L}(2)$$

or

$$\frac{P_K}{P_L}(2) = \frac{r}{w}(2) < \frac{P_K}{P_L}(1) = \frac{r}{w}(1)$$

⇒

QG 2 dư thừa tư bản

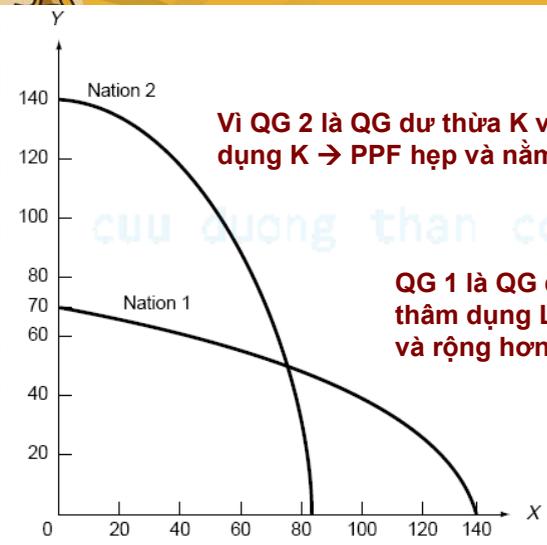
Chỉ quan tâm tới cung các YTSX

Quan tâm tới cả cung và cầu của các YTSX

cuu duong than cong. com



Mối liên hệ với hình dạng PPF

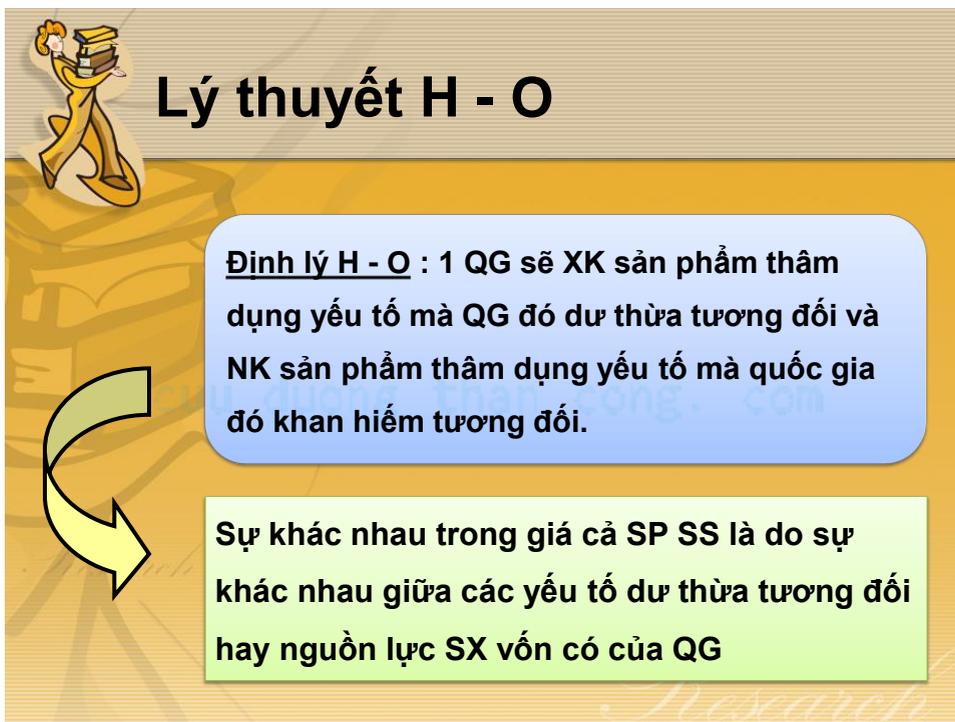
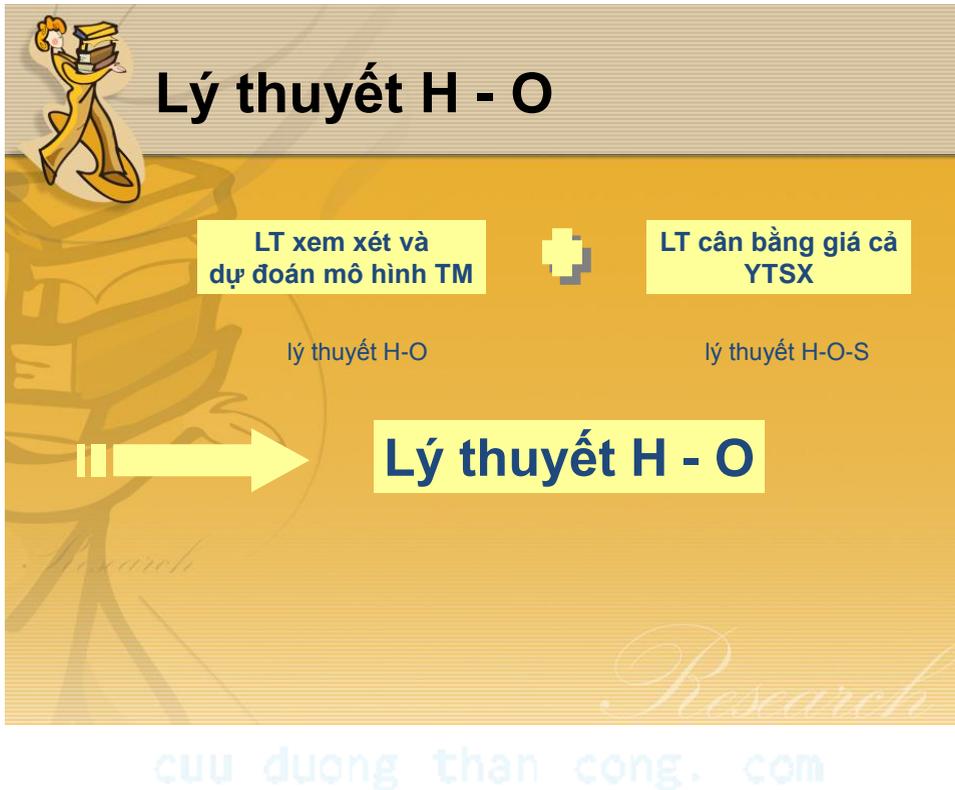


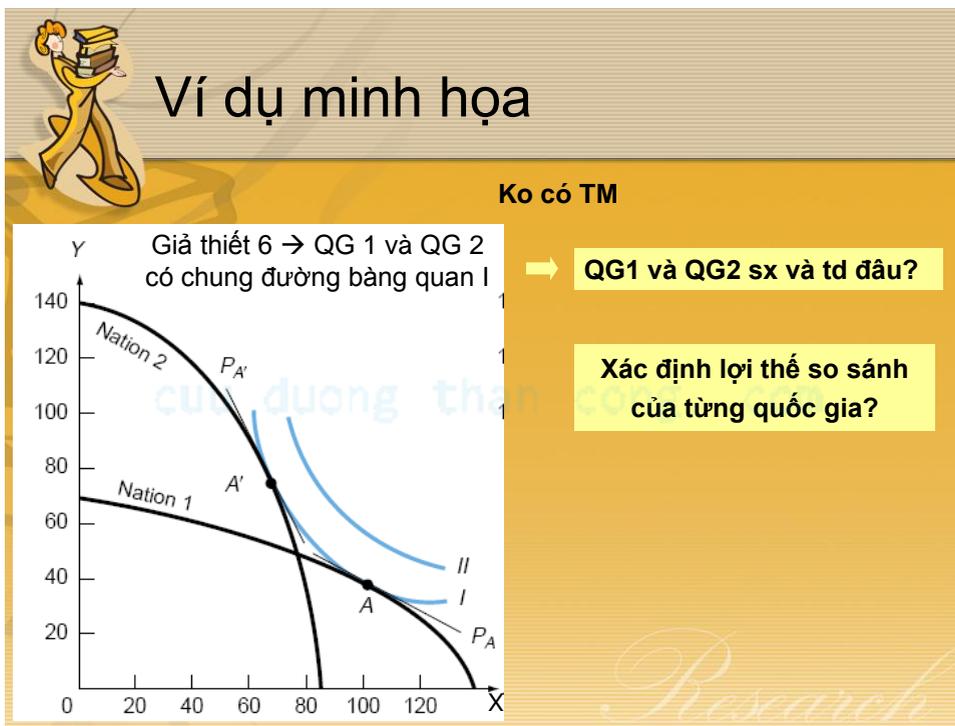
Vi QG 2 là QG dư thừa K và sp Y là sp thâm dụng K → PPF hẹp và nằm dọc theo trục tung

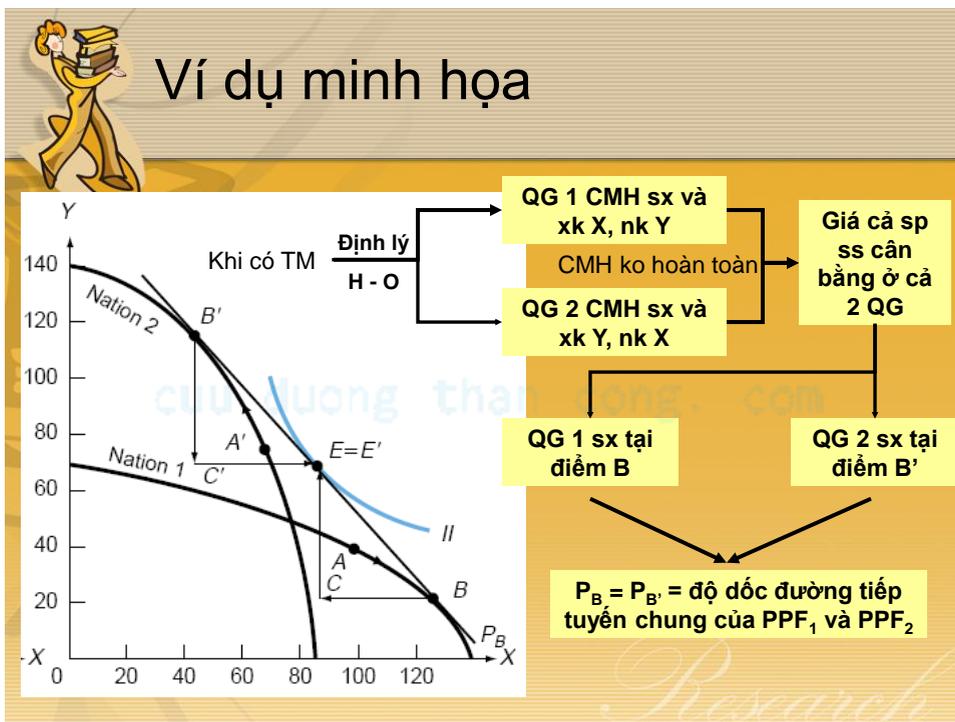
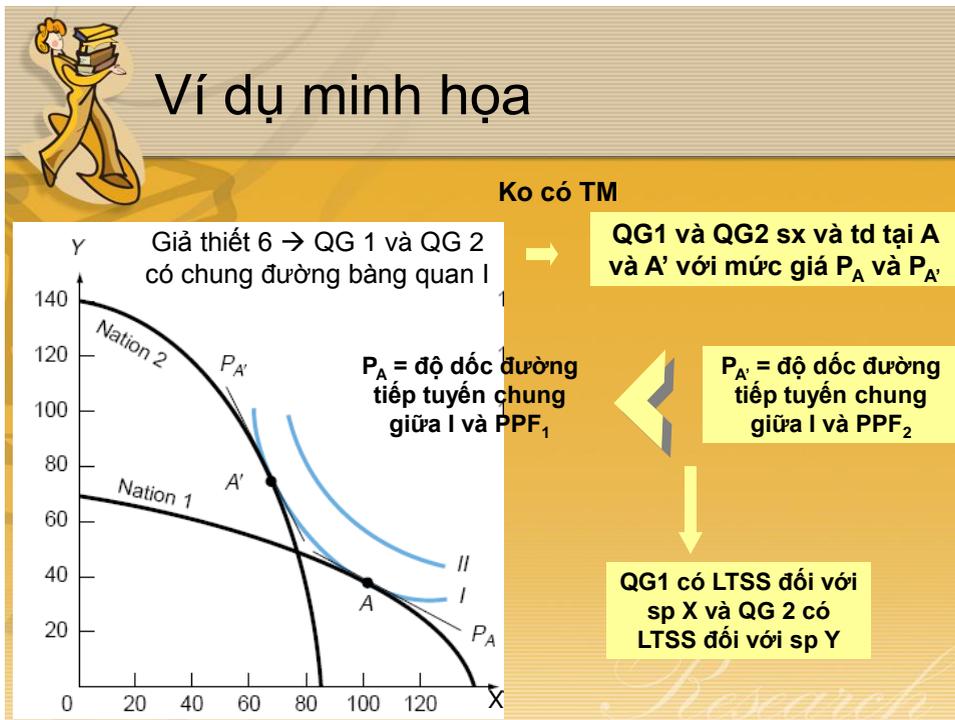
QG 1 là QG dư thừa L và sp X là sp thâm dụng L → PPF của QG 1 phẳng và rộng hơn, nằm sát với trục hoành.

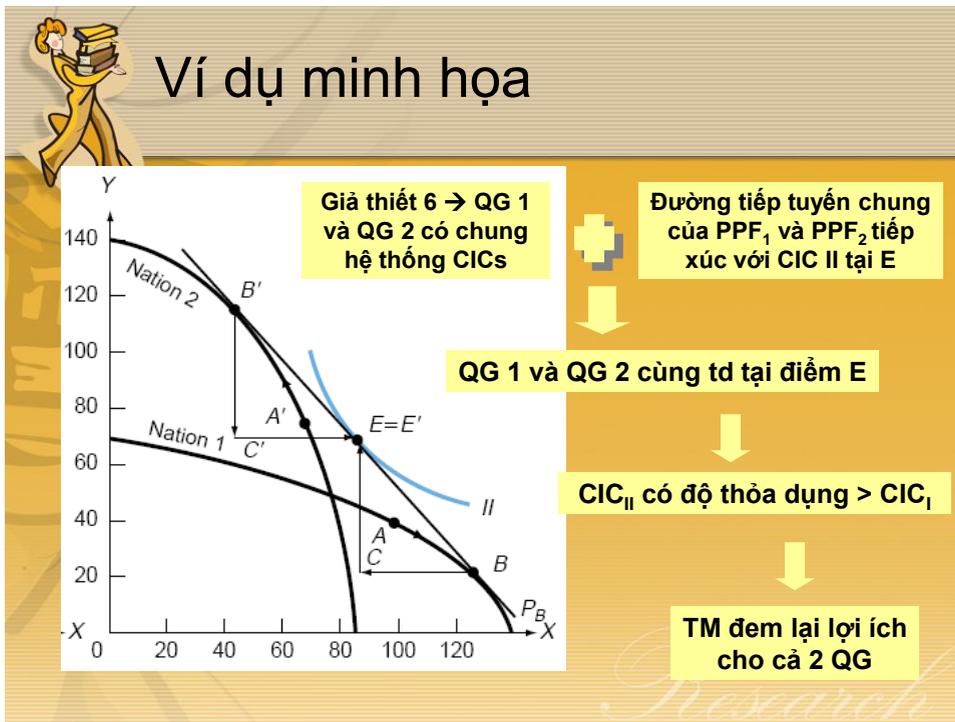
Câu hỏi nc thêm: Chứng minh điều trên???

cuu duong than cong. com

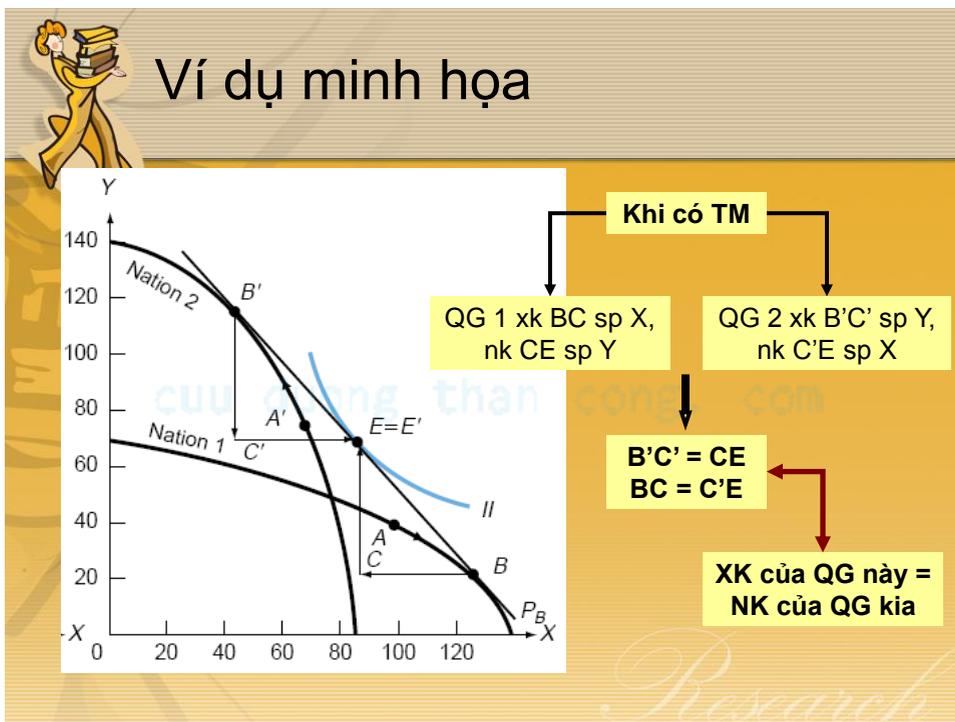








cuuduongthancong.com



Research



Lý thuyết H – O – S

Định lý H-O-S

- TMQT sẽ dẫn đến sự cân bằng tương đối và tuyệt đối trong lợi suất của các YTSX giữa các QG.

Bản chất của lý thuyết

- TMQT sẽ làm cho tiền lương của các lao động đồng nhất và lợi suất của các tư bản đồng nhất giữa các quốc gia tham gia TM là như nhau.

cuu duong than cong. com



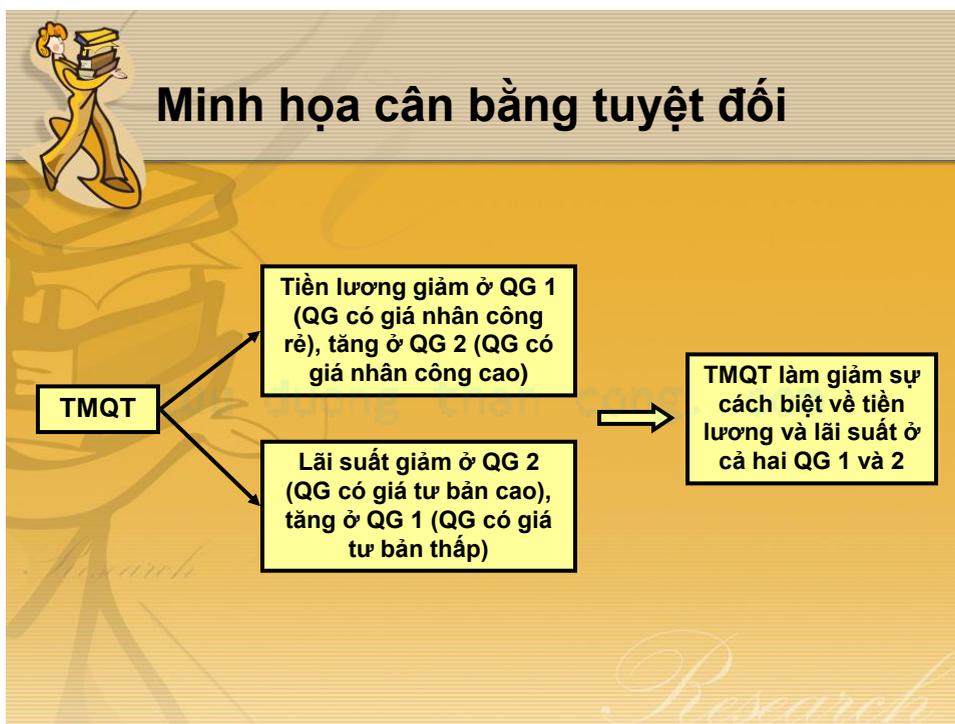
Lý thuyết H – O – S

Áp dụng cho QG 1 và QG 2

TMQT sẽ làm cho tiền lương và lãi suất như nhau ở QG1 và QG2, tức là giá cả yếu tố tương đối và tuyệt đối sẽ cân bằng.



cuu duong than cong. com





Minh họa cân bằng tuyệt đối

Có thể tóm tắt thành bảng sau

Đặc điểm	<i>Quốc gia 1</i>	<i>Quốc gia 2</i>
Chưa có TM	w thấp (dồi dào L), r cao (khan hiếm K)	r thấp (dồi dào K), w cao (khan hiếm L)
Khi có TM	w tăng, r giảm (tăng sx sp cần nhiều lao động)	r tăng, w giảm (do giảm sx sp cần nhiều lao động)

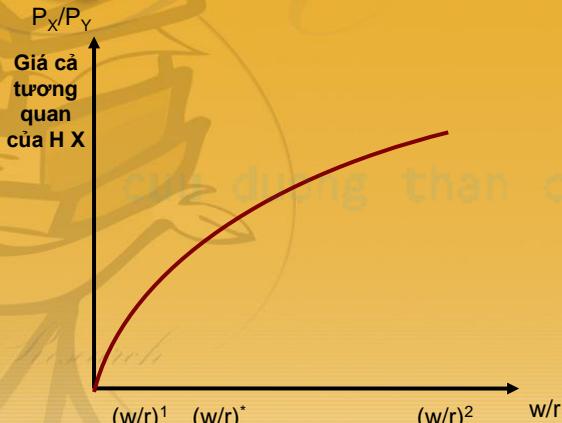


TMQT sẽ làm cho tiền lương và lãi suất bằng nhau ở QG1 và QG2

cuu duong than cong. com



Minh họa cân bằng tương đối



Giả thiết 9 + 2

↓

Mỗi tỷ lệ w/r tương ứng với một tỷ lệ P_X/P_Y

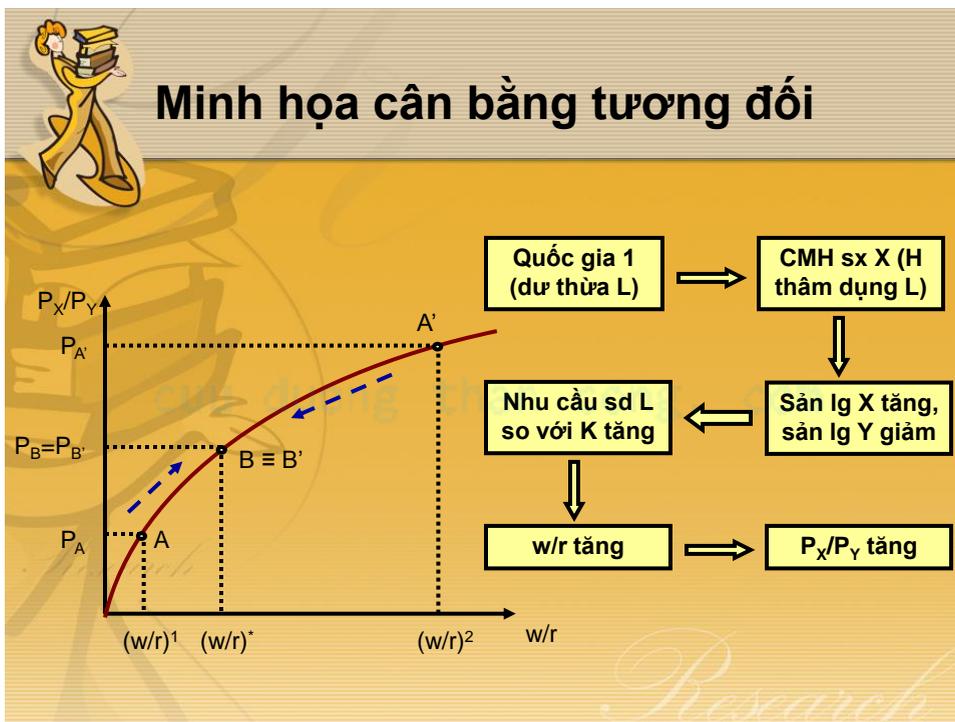
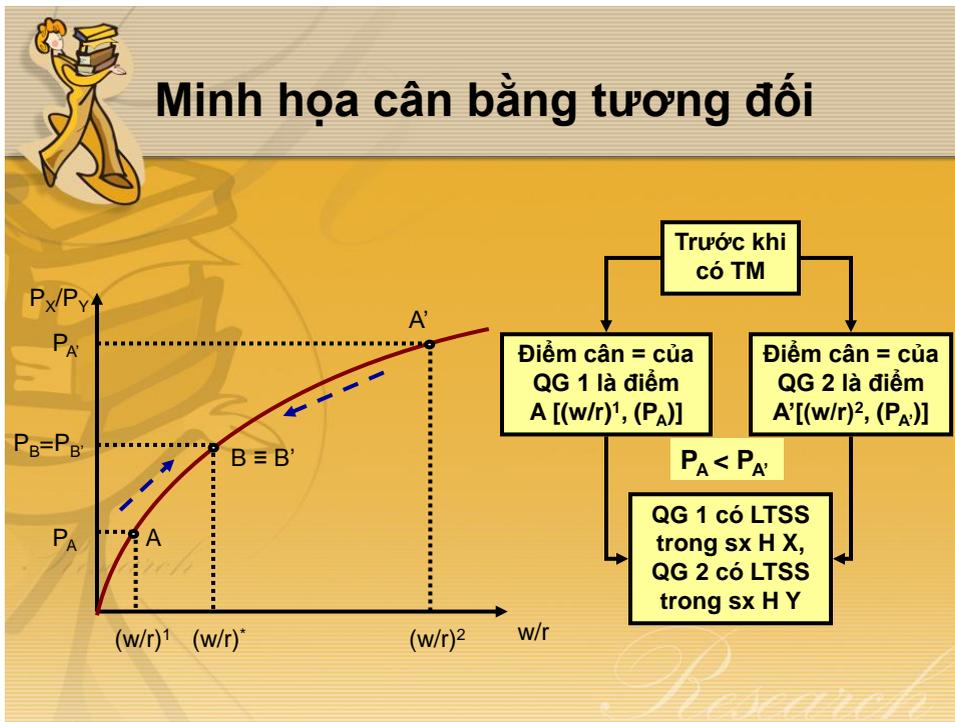
↓

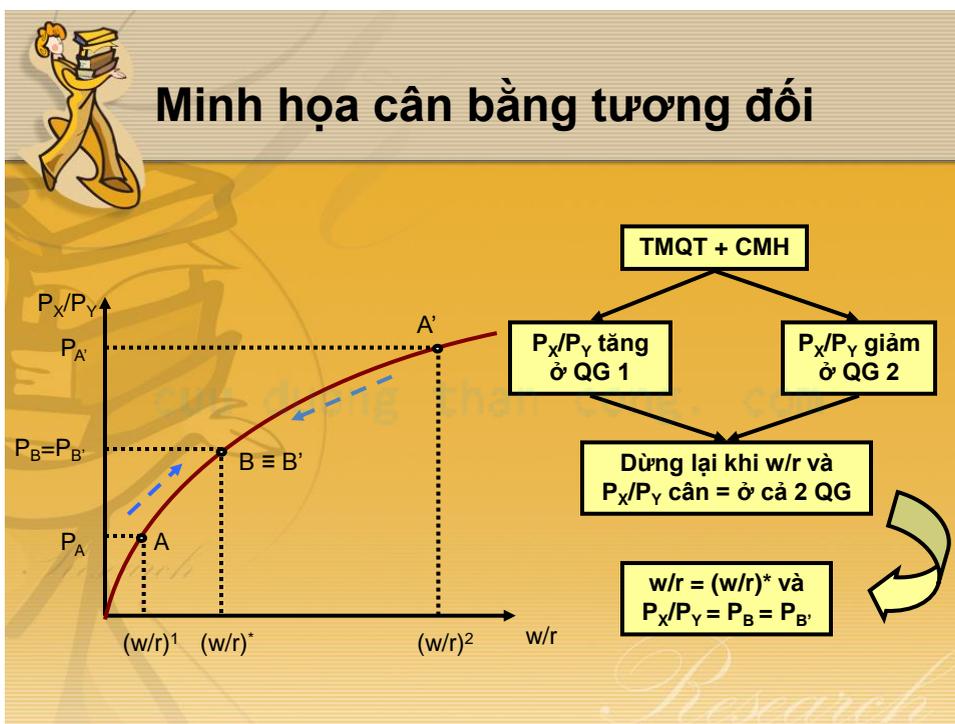
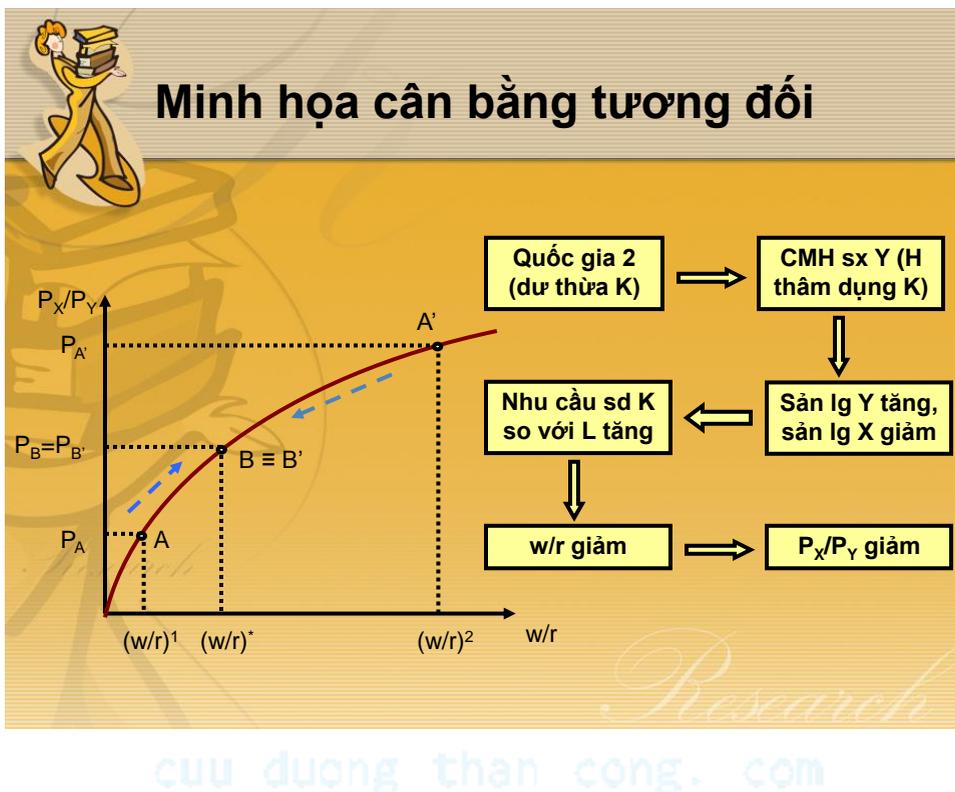
w/r tăng → P_X/P_Y tăng nhưng với tốc độ giảm dần

?

cuu duong than cong. com

Research







Ý NGHĨA CỦA LÝ THUYẾT H - O

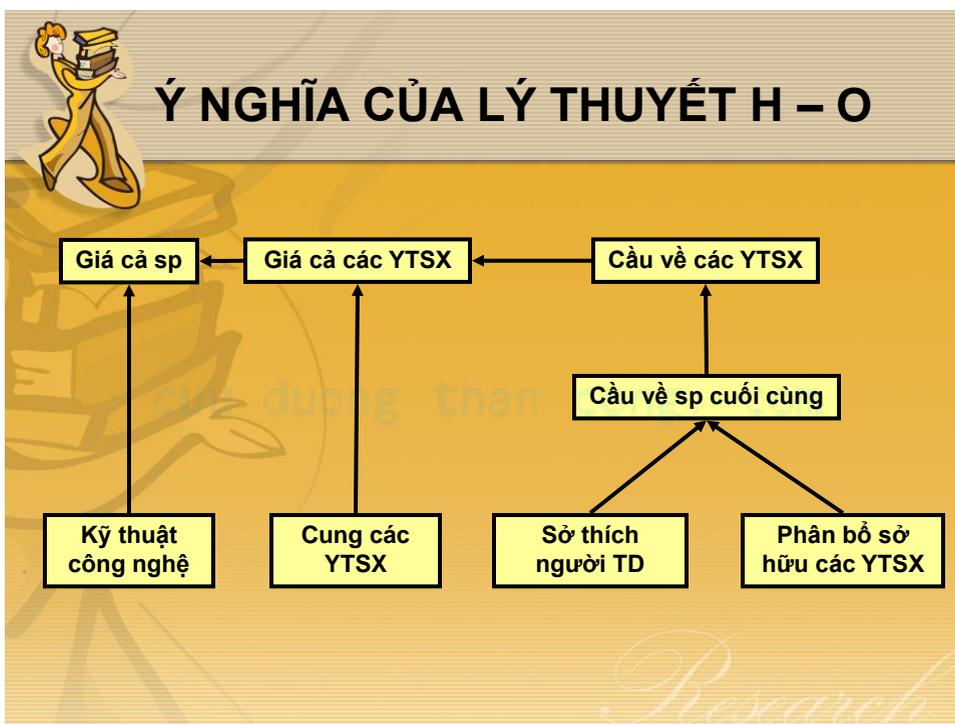
Là một trong những lý thuyết có ảnh hưởng lớn nhất của KTQT, giữ vị trí trung tâm trong lý thuyết TMQT

Tìm ra được nguồn gốc phát sinh ra LTSS.

Là phương pháp luận cho quá trình xác định giá cả sp.

Research

cuuduongthancong.com





LÝ THUYẾT H – O. Hạn chế

Lý thuyết H-O cho rằng các QG nên XK sp thâm dụng yếu tố mà QG đó dư thừa tương đối và nk sp thâm dụng yếu tố mà QG đó khan hiếm tương đối. Nhưng thực tế ko phải lúc nào cũng vậy

Ko đề cập đến sự khác biệt về chất lượng lã giữa các QG

Công nghệ sx giữa các nước trên thực tế là ko giống nhau

Chưa tính đến các rào cản TM như chi phí vận chuyển, thuế quan, hạn ngạch...

→ Lý thuyết H-O đúng nhưng chưa thực sự triệt để

cuu duong than cong. com



LÝ THUYẾT H – O



cuu duong than cong. com

Research



Đề tài thảo luận nhóm

6. Vì sao các nước đang phát triển lại rất thành công nếu xuất khẩu hàng dệt, quần áo may sẵn, giày da? Ngành công nghiệp thành công ở Hồng Kong là ngành may mặc chứ không phải ngành sản xuất ô tô. Việc lý giải điều này có mâu thuẫn với lý thuyết H - O không?
7. Bình luận câu nói: “Lợi thế lao động rẻ của Việt Nam sẽ bị mất dần khi mở cửa giao thương với các nước khác”?
8. Sử dụng mô hình cạnh tranh của M.Porter giải thích sự tăng trưởng của Nokia trong thời gian qua?
9. Sử dụng lý thuyết lợi thế kinh tế nhờ quy mô của Krugman giải thích hoạt động TMQT của các TNCs hiện nay?
10. Sử dụng lý thuyết vòng đời sản phẩm của Vernon giải thích hoạt động TMQT của các TNCs hiện nay?

cuuduongthancong.com



Bài tập nhóm về nhà

Thời hạn

- nộp báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm: 2 tuần kể tiếp

Yêu cầu

- mỗi bài viết tối đa 05 trang A4 (đánh máy) không kể phụ lục, bảng biểu minh họa
- Nộp cả bản cứng và bản mềm
- Ghi rõ thành viên của nhóm, phân công công việc và đánh giá của trưởng nhóm về mức độ hoàn thành công việc của các thành viên trong nhóm (20% A+, 30%A, 30%B, 20%C)

Research